

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC THỂ THAO CỦA CÁN BỘ, SINH VIÊN ĐẠI HỌC HUẾ

Nguyễn Thế Tinh*, Lê Cát Nguyên*,
Nguyễn Thanh Tùng**

ABSTRACT

Applying the document analysis and synthesis method, expert interviewing method, statistical mathematics method and practical observation method, we have assessed the current situation of using sports in the training process, the time of doing physical exercises and sports; time for sports and physical training, number of sports sessions per week, place of practice, form of exercise, funds for sports training in the month, motives and attitudes to participate in activities sports; facilities for training and the causes affecting the activities of sports and physical training for officers and students of Hue University.

Keywords: Sports; Officers of Hue University; Student of Hue University.

Ngày nhận bài: 16/4/2021; Ngày phân biện: 19/4/2021; Ngày duyệt đăng: 23/4/2021.

1. Đặt vấn đề

Tập luyện thể dục thể thao (TDTT) có tác dụng nâng cao sức khỏe, phòng bệnh và chữa bệnh rất tích cực, lấy lại sự cân bằng âm dương của cơ thể con người. Nếu con người không vận động, không rèn luyện thì khả năng thích nghi kém, tuổi thọ khó có thể kéo dài. Vận động và rèn luyện là để ngày càng hoàn thiện về thể chất, nâng cao thể lực, tinh thần thoải mái, rèn luyện thân thể và thích ứng được với những điều kiện thời tiết thay đổi. Tuy nhiên, việc tập luyện TDTT của cán bộ (CB), sinh viên (SV) Đại học (ĐH) Huế là vấn đề cần được quan tâm, đánh giá để làm cơ sở và có định hướng xây dựng kế hoạch phát triển phong trào tập luyện TDTT, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực trong công tác tổ chức, hướng dẫn, huấn luyện tập luyện TDTT. Xuất phát từ ý nghĩa đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu: “Đánh giá thực trạng hoạt động thể dục TT của CB, SV ĐH Huế”.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng các hoạt động TDTT của CB, SV ĐH Huế

Để thấy rõ thực trạng tham gia các hoạt động tập luyện TDTT trong CB và SV, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn ngẫu nhiên 460 CB, giảng viên (GV) và 1780 SV ĐH Huế, kết quả cho thấy: có 370 CB được hỏi đã trả lời có tham gia tập luyện TDTT (chiếm 80,43%), có 1270 SV trả lời có tham gia tập luyện TDTT (chiếm 71,35%); Có 90 (chiếm 19,57%) ý

kiến CB và 510 SV (chiếm 28,65%) trả lời không tham gia tập luyện TDTT. Điều đó cho thấy, số lượng CB và SV tham gia tập luyện TDTT khá nhiều, đây là một tín hiệu vui cho phong trào rèn luyện thân thể, nâng cao thể lực và tầm vóc của CB và SV ĐH Huế.

Để thấy rõ tình hình tập luyện TDTT của CB, GV và SV ĐH Huế, chúng tôi tiến hành khảo sát 370 CB và 1270 SV tham gia tập luyện TDTT và thu được kết quả ở bảng 2.1.

Bảng 2.1. Thực trạng tập luyện TDTT của CB, GV và SV ĐH Huế

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn			
		CB (n=370)		SV (n=1270)	
		SL	%	SL	%
I. Nội dung (môn thể thao (TT)) tập luyện của CB, GV và SV ĐH Huế (nhiều lựa chọn)					
1	Bóng đá	90	24,32	370	29,13
2	Bóng bàn	80	21,62	80	6,30
3	Bóng rổ	10	2,70	120	9,45
4	Bóng ném	0	0,00	0	0,00
5	Bóng chuyền	50	13,51	210	16,54
6	Võ thuật	20	5,41	130	10,24
7	Cầu lông	110	29,73	170	13,39
8	Quần vợt	50	13,51	20	1,57
9	Bơi	60	16,22	150	11,81
10	Gym	20	5,41	120	9,45
11	Aerobic	20	5,41	60	4,72

*TS. Khoa Giáo dục thể chất - ĐH Huế

** PGS.TS. Trường ĐH Thể dục thể thao Đà Nẵng

12	Dance Sport (Khiêu vũ TT)	10	2,70	20	1,57
13	Yoga	40	10,81	50	3,94
14	Zumba	60	16,22	30	2,36
15	Đi bộ/chạy bộ	170	45,95	160	12,60
16	Môn khác	30	8,11	70	5,51

II. Thời điểm tập luyện TDDT của CB, GV và SV ĐH Huế

1	Buổi sáng (5h00-7h00)	80	21,62	140	11,02
2	Buổi chiều (17h00-19h00)	210	56,76	690	54,33
3	Buổi tối (19h00-21h00)	50	13,51	310	24,41
4	Khác	30	8,11	130	10,24

III. Thời gian tập luyện TDDT của CB, GV và SV ĐH Huế

1	Dưới 60 phút	130	35,14	430	33,86
2	Từ 60 - dưới 90 phút	210	56,76	790	62,20
3	Từ 90 - dưới 120 phút	20	5,41	30	2,36
4	Từ 120 phút trở lên	10	2,70	20	1,57

IV. Số buổi tập TDDT trong tuần của CB, GV và SV ĐH Huế

1	1 buổi	20	5,41	210	16,54
2	2 buổi	190	51,35	330	25,98
3	3 buổi	110	29,73	470	37,01
4	4 buổi	40	10,81	130	10,24
5	5 buổi	10	2,70	40	3,15
6	6 buổi	0	0,00	90	7,09
7	Khác	0	0,00	0	0,00

V. Địa điểm tập luyện TDDT của CB, GV và SV ĐH Huế

1	Khu TT của Trường/ Khoa thuộc ĐH Huế	30	8,11	150	11,81
2	Tại Khoa Giáo dục thể chất – ĐH Huế	40	10,81	190	14,96
3	Nhà thi đấu/sân bãi có thu phí	60	16,22	250	19,69
4	Công viên/Nhà văn hóa và các địa điểm không thu phí	170	45,95	470	37,01
5	Nơi khác	70	18,92	210	16,54

VI. Hình thức tập luyện TDDT của CB, và SV GV ĐH Huế

1	Tự tập luyện	180	48,65	650	51,18
2	Hoạt động thi đấu	90	24,32	350	27,56
3	Tập luyện có HDV	70	18,92	130	10,24
4	Khác	30	8,11	140	11,02

Bảng 2.1 cho thấy:

- Về nội dung TT trong quá trình tập luyện: Đối với CB, việc đi bộ, chạy bộ là môn TT chiếm ưu thế (chiếm 45,95%) môn TT này phù hợp với lứa tuổi, vừa tiết kiệm chi phí, vừa không phụ thuộc quá nhiều về cơ sở vật chất và là môn TT cá nhân nên có thể tiến hành tập luyện bất kì thời điểm nào, ở đâu. Tiếp đến là cầu lông (chiếm 29,73%), bóng đá (chiếm 24,32%), bóng bàn (chiếm 21,62%) là một trong những môn được nhiều CB yêu thích lựa chọn để tập luyện thường xuyên. Đối với SV thì bóng đá là môn TT được nhiều SV tập luyện nhất (chiếm 29,12%); tiếp theo là bóng chuyền 16,54%; cầu lông có 13,39% và các môn khác được SV chọn để tập luyện. Với kết quả này có thể định hướng cho việc tổ chức tập luyện và khai thác các dịch vụ liên quan phù hợp với thực trạng, sở thích tập luyện TDDT của CB và SV ĐH Huế.

- Về thời điểm tập luyện: Hầu hết CB và SV đều tham gia tập luyện từ 17h đến 19h với 56,76% ý kiến CB và 54,33% ý kiến SV cho biết đã tập luyện TDDT vào thời điểm này, còn sau 19h00 thì số lượng SV tham gia tập luyện nhiều hơn CB (24,41% và 13,51%), nhưng buổi sáng từ 5-7h thì CB lại tham gia tập luyện nhiều hơn SV (21,62% và 11,02%). Kết quả này cho thấy, sau thời gian làm việc và học tập thì CB, SV tham gia tập luyện TDDT và buổi sáng CB thường tập luyện TDDT nhiều hơn SV, còn buổi chiều muộn thì SV tham gia tập luyện nhiều hơn CB.

- Về thời gian tập luyện: Nhìn chung CB và SV đều cho rằng thời gian tập luyện trong một buổi thường từ 60 đến dưới 90 phút (có 56,76% ý kiến CB và 62,2% ý kiến SV), còn dưới 60 phút thì tương đối ít, có 33,14% CB và 33,86% SV đồng ý, còn thời gian tập luyện từ 90 đến dưới 120 phút và từ 120 phút trở lên có rất ít người trả lời đồng ý, một bộ phận nhỏ CB và SV tham gia tập luyện: Gym, Street workout; Dancesport,...

- Về số buổi tập TDDT trong tuần: Đa số cho rằng tập luyện từ 2-3 buổi, với CB có 51,35% tập 2 buổi/tuần và 29,73% tập 3 buổi/tuần; với SV có 37,01% tập 2 buổi/tuần và 25,98% tập 3 buổi/tuần.

- Về địa điểm tập luyện: Có 45,95% CB và 37,01% SV chọn công viên/nhà văn hóa và các địa điểm không thu phí để tập luyện, có 16,22% CB và 19,69% SV lựa chọn nhà thi đấu/sân bãi có thu phí

và đặc biệt là số lượng CB, GV đến các trường ĐH thành viên, khoa trực thuộc ĐH Huế (bao gồm cả Khoa GDTC) tham gia tập khá ít (chiếm 18,92% CB, 26,77% SV).

- Về hình thức tập luyện: Chủ yếu CB và SV ĐH Huế tự tập luyện (48,65% và 51,18%); rất ít CB và SV tập luyện dưới sự hướng dẫn của huấn luyện viên, HDV (chiếm 18,92% CB và 10,24% SV).

- Về kinh phí dành cho tập luyện: Hầu hết CB và SV tham gia theo hình thức tự tập và tận dụng các địa điểm tập luyện tự phát theo sở thích các nhân, nên có thể không cần kinh phí tập luyện hoặc nếu có thì chi phí rất ít.

2.2. Thực trạng về động cơ, thái độ tham gia hoạt động TDTT của CB và SV ĐH Huế

Chúng tôi tiến hành khảo sát 370 CB và 1270 SV tham gia tập luyện. Kết quả thể hiện ở bảng 2.2.

Bảng 2.2. Kết quả khảo sát động cơ tham gia hoạt động TDTT của CB và SV ĐH Huế

TT	Nội dung phỏng vấn (Nhiều lựa chọn)	Kết quả phỏng vấn			
		CB (n=370)		SV (n=1270)	
		SL	%	SL	%
1	Tăng cường sức khỏe và làm đẹp	170	45,95	630	49,61
2	Vui chơi giải trí, giảm căng thẳng trong cuộc sống	230	62,16	790	62,20
3	Có hứng thú và thấy vai trò của TDTT	70	18,92	450	35,43
4	Nâng cao thành tích TT	20	5,41	140	11,02
5	Nâng cao kỹ năng vận động cho bản thân	20	5,41	210	16,54
6	Giảm và điều trị bệnh tật	120	32,43	110	8,66
7	Để giảm thời gian nhàn rỗi	150	40,54	190	14,96
8	Khác	50	13,51	120	9,45

Động cơ tập luyện TDTT của CB, GV và SV ĐH Huế chủ yếu là vui chơi giải trí, giảm căng thẳng trong cuộc sống (có 62,20% CB và 62,16% SV) và tập luyện vì tăng cường sức khỏe và làm đẹp cũng được nhiều CB (có 45,95% CB và 49,61% SV đồng ý), rất ít CB và SV tập luyện nhằm mục tiêu nâng cao thành tích TT và kỹ năng vận động cho bản thân, một bộ phận nhỏ CB và SV có động cơ tập luyện là giảm và điều trị bệnh tật nhưng CB chiếm tỉ lệ lớn hơn SV (32,43%) và 8,66% vì có thể CB đã nhận thấy vai trò của tập luyện TDTT trong việc rèn luyện sức khỏe, điều trị bệnh tật còn SV tập luyện với sự đam mê, sở

thích là chủ yếu.

Về thái độ tham gia tập luyện của CB, GV và SV nhìn chung là rất tốt và tốt (chiếm 64,86% ý kiến CB và 59,84% ý kiến SV), thái độ bình thường chiếm tỉ lệ nhỏ với 29,73% ý kiến CB và 30,71% ý kiến của SV và chưa tốt chiếm 5,41% ý kiến CB và 9,45% ý kiến SV. Với kết quả này có thể khẳng định ý thức, thái độ tập luyện TDTT của CB, GV và SV phù hợp với động cơ tham gia tập luyện.

2.3. Nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động tập luyện TDTT CB, SV ĐH Huế

Có nhiều nguyên nhân khác nhau ảnh hưởng đến hoạt động tập luyện TDTT CB, SV ĐH Huế, trong đó: nguyên nhân do thời tiết, khí hậu bị hạn chế với 76,09% ý kiến CB và 73,60% ý kiến SV; không đủ điều kiện sân bãi, dụng cụ với 52,17% ý kiến CB và 54,49% ý kiến SV; không có HLV hướng dẫn 69,57% ý kiến CB và 43,82% ý kiến SV; học hành, công việc căng thẳng không có thời gian 45,65% ý kiến CB và 37,64% ý kiến SV; không có bạn cùng tập cũng là một trong những nguyên nhân lớn 31,46% ý kiến CB và 34,78% ý kiến SV; không có chi phí tham gia hoạt động TDTT 30,43% ý kiến CB và 42,13% ý kiến SV. Với kết quả này chúng ta cần xem xét các nguyên nhân và tìm giải pháp khắc phục để đảm bảo việc tập luyện TDTT của CB, SV ĐH Huế có hiệu quả.

3. Kết luận

Hầu hết CB và SV ĐH Huế đều có nhận thức và thái độ tập luyện TDTT tốt với mục đích vui chơi giải trí, giảm căng thẳng trong cuộc sống, tập luyện vì tăng cường sức khỏe và làm đẹp bằng các môn TT. Tuy nhiên, việc tập luyện cũng chưa đạt được kết quả như kỳ vọng. Do đó, cần có các giải pháp, kế hoạch nhằm cải thiện chất lượng, số lượng người tham gia tập luyện TDTT một cách bền vững.

Tài liệu tham khảo

1. Phan Quốc Chiến. (2013). *Nghiên cứu lựa chọn một số giải pháp nâng cao chất lượng tiêu dùng tập luyện TDTT đối với CB công chức trên địa bàn Thành phố Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành GDTC, Viện Thể dục TT Việt Nam.
2. Ngô Trang Hưng (2013). *Xác định tài sản TDTT ở một số tỉnh, thành phía Bắc để phục vụ quản lý TDTT ở nước ta*, Luận án tiến sĩ, Trường ĐH TDTT Bắc Ninh.
3. Nguyễn Thị Thảo Vy (2010). *Thực trạng và các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý TT giải trí ở Tp Hồ Chí Minh*. Luận văn Thạc sĩ GDTC, Trường ĐH TDTT Tp. Hồ Chí Minh.
4. Trương Quốc Uyên (2003). *Chủ tịch Hồ Chí Minh với TDTT*, NXB Thể dục TT, Hà Nội